

Số: 4126 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán lập hồ sơ, cắm cọc GPMB và giá các gói thầu thuộc công trình Đường từ bản Sơn đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn (Chương trình 30a)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2014/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 46/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2016 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 3577/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; số 3946/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường từ bản Sơn đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn (Chương trình 30a);*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4129/SGTVT-TTr ngày 28/9/2020 về phê duyệt chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, lập hồ sơ, cắm cọc GPMB và giá gói thầu thuộc dự án Đường từ bản Sơn đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn (Chương trình 30a), kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 4106/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/9/2020 và của UBND huyện Quan Sơn tại Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 22/9/2020;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, lập hồ sơ, cắm cọc giải phóng mặt bằng và giá gói thầu thuộc công trình Đường từ bản Sơn đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn (Chương trình 30a) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công

Điểm đầu Km0- giao với đường bê tông cuối bản Sơn; điểm cuối Km5+138- tại trung tâm bản Ché Lâu, xã Na Mèo. Chiều dài thiết kế 4.352,49m (giữ nguyên 785,51m đã được đầu tư trong dự án khác).

## 2. Quy mô xây dựng

Đầu tư xây dựng đảm bảo quy mô đường giao thông nông thôn cấp B theo TCVN 10380:2014; vận tốc thiết kế  $V_{tk}=20\text{km/h}$ ; chiều rộng nền đường  $B_n=5,0\text{m}$ ; mặt đường  $B_m=3,5\text{m}$ ; lề đất  $B_{ld}=2\times 0,75\text{m}=1,5\text{m}$ ; mặt đường BTXM; công trình thoát nước bằng BTXM và BTCT, tải trọng thiết kế H13-X60 (đối với cống), HL93 và người đi bộ  $3\times 10^{-3}\text{Mpa}$  (đối với cầu), tần suất tính toán thủy văn  $P=4\%$ .

3. Địa điểm xây dựng: xã Na Mèo, huyện Quan Sơn.

4. Nội dung công tác khảo sát, lập hồ sơ, cắm cọc GPMB: Chi tiết như Tờ trình số 1429/TTr-SGTVT ngày 28/9/2020 của Sở Giao thông vận tải.

5. Nhiệm vụ lập thiết kế bản vẽ thi công: theo phạm vi tuyến, quy mô xây dựng và đảm bảo tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn cho dự án; phù hợp với dự án đầu tư đã được phê duyệt và các quy định khác của pháp luật.

6. Dự toán phê duyệt: **1.045.481.000 đồng** (Một tỷ, không trăm bốn mươi lăm triệu, bốn trăm tám một nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí khảo sát:	428.349.000 đồng;
- Chi phí giám sát công tác khảo sát:	17.442.000 đồng;
- Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát:	12.850.000 đồng;
- Chi phí lập thiết kế BVTC-DT:	439.015.000 đồng;
- Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc GPMB:	147.825.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

## 7. Giá gói thầu phê duyệt

- Gói thầu số 01: Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-DT công trình, lập hồ sơ cắm cọc GPMB: 1.015.189.000 đồng.

- Gói thầu số 03: Tư vấn giám sát công tác khảo sát bước lập TKBVTC: 17.442.000 đồng.

Giá trị các gói thầu trên thay thế cho giá gói thầu ghi trong Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt tại Quyết định số 3964/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

## Điều 2. Tổ chức thực hiện.

UBND huyện Quan Sơn tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong quá trình triển khai bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung ý kiến của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 4106/SGTVT-TĐKHKT ngày 25/9/2020.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX.<sub>30a139</sub>

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Đăng Quyền**

**PHỤ BIỂU DỰ TOÁN****Chi phí khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công, lập hồ sơ cấm cọc GPMB****Dự án: Đường từ bản Sơn đi bản Ché Lầu, xã Na Mèo, huyện Quan Sơn (CT 30a)****(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)**

Đơn vị: đồng

STT	Hạng mục chi phí	Phương pháp xác định	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Chi phí khảo sát xây dựng</b>		<b>428.349.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>VL+NC+M</b>	<b>209.222.348</b>
1.1	Chi phí vật liệu	Dự toán chi tiết	18.476.467
1.2	Chi phí nhân công		178.368.636
1.3	Chi phí máy thi công		12.377.245
<b>2</b>	<b>Chi phí gián tiếp</b>	<b>C+LT</b>	<b>141.595.833</b>
2.1	Chi phí chung	NC x 70%	124.858.045
2.2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công, chi phí không xác định được khối lượng từ thiết kế, chi phí gián tiếp khác	T x 8%	16.737.788
<b>3</b>	<b>Thu nhập chịu thuế tính trước</b>	<b>(T+GT) x 6%</b>	<b>21.049.091</b>
	<b>Giá thành khảo sát xây dựng</b>	<b>(T+C+TL)</b>	<b>371.867.272</b>
<b>4</b>	<b>Chi phí khác phục vụ công tác khảo sát</b>		<b>17.540.909</b>
4.1	Chi phí lập phương án khảo sát	Gks*2%	7.016.364
4.2	Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát	Gks*3%	10.524.545
	<b>Giá trị dự toán khảo sát trước thuế</b>	<b>Gks+Cpvks</b>	<b>389.408.000</b>
<b>5</b>	<b>Thuế giá trị gia tăng</b>	<b>G x 10%</b>	<b>38.940.800</b>
	<b>Giá trị khảo sát sau thuế</b>	<b>G + GTGT</b>	<b>428.349.000</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát</b>	<b>Gksxd*3%</b>	<b>12.850.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí giám sát công tác khảo sát</b>	<b>Gksxd*4,072%</b>	<b>17.442.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí lập hồ sơ cấm cọc GPMB</b>		<b>147.825.000</b>
1	Chi phí lập hồ sơ thiết kế hạng mục cấm cọc GPMB	Gx1*1,1*1,176%	433.000
2	Chi phí xác định vị trí cấm cọc GPMB	Dự toán chi tiết	113.898.000
3	Chi phí sản xuất và cấm cọc GPMB		33.494.000
<b>V</b>	<b>Chi phí lập thiết kế BVTC, DT</b>	Quyết định số 3577/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh	<b>439.015.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>I+II+III+IV+V</b>	<b>1.045.481.000</b>